TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày 13/01/2025.
V/v: "Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ-TỈNH PHÚ THỌ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Tú và bà Nguyễn Thị Thuý Hoà.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Hà Thị Phương Chinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà***: Ông Nguyễn Văn Tiến - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị M, sinh năm 1976.

Địa chỉ : Khu X, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân C, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Khu X, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Hiện đang chấp hành án tại: Phân trại số A, Trại giam T2, Bộ C1.

(Chị M, anh C đều đề nghị xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1,Tại đơn khởi kiện ngày 05/8/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hà Thị M trình bày: Chị và anh Nguyễn Xuân C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 1991 tại UBND xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết

hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau nên chung sống không hạnh phúc. Gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Đến năm 2012 anh C phạm tội "Mua bán trái phép chất ma tuý", phải chấp hành hình phạt 20 năm tù giam và đi chấp hành án tại Phân trại số A – Trại giam T2 – Bộ C1 nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Thời gian đầu khi anh C đi chấp hành án thì chị vẫn đi lại thăm nom, nhưng từ năm 2020 đến nay chị và anh C không còn ai quan tâm đến ai nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 03 con chung là Nguyễn Thị Phương G, sinh ngày 10/10/1994; Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 07/12/1997 và Nguyễn Phương A, sinh ngày 19/7/2003. Hiện nay, cả 03 con chung đều đã thành niên (trên 18 tuổi) nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị M không yêu cầu giải quyết.

2, Quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai ngày 02/12/2024 bị đơn anh Nguyễn Xuân C trình bày: Anh và chị Hà Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 1991 tại UBND xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì anh phạm tội "Mua bán trái phép chất ma tuý", phải chấp hành hình phạt 20 năm tù giam và đi chấp hành án tại Phân trại số A – Trại giam T2 – Bộ C1 nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Thời gian đầu chị M còn đến thăm anh, nhưng từ năm 2017 đến nay chị M không còn đến thăm gặp anh nữa và cũng không còn quan tâm anh. Chị M xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị M có 03 con chung là Nguyễn Thị Phương G, sinh ngày 10/10/1994; Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 07/12/1997 và Nguyễn Phương A, sinh ngày 19/7/2003. Hiện nay, cả 03 con chung đều đã thành niên (trên 18 tuổi) nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3, Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã Sơn Tình ngày 03/12/2024 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Chị Hà Thị M và anh Nguyễn Xuân C có đăng ký kết hôn năm 1991 tại UBND xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn anh chị được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn anh chị chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2012 thì anh C phạm tội "Mua bán trái phép chất ma tuý", phải chấp hành hình phạt 20 năm tù giam và đi chấp hành án tại Phân trại số A – Trại giam T2 – Bộ C1. Khi anh C đi chấp hành án thì chị M vẫn sinh sống và ở tại xã S.

Thời gian đầu khi anh C đi chấp hành án thì chị M vẫn đi lại thăm nom nhưng vài năm trở lại đây, chị M không còn đi lại thăm nom anh C nữa và cũng không còn quan tâm đến anh C. Chị M và anh C có 03 con chung là Nguyễn Thị Phương G, sinh ngày 10/10/1994; Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 07/12/1997 và Nguyễn Phương A, sinh ngày 19/7/2003. Hiện nay, cả 03 con chung đều đã thành niên (trên 18 tuổi). Nay chị M xin ly hôn anh C quan điểm của địa phương là đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị M và anh Nguyễn Xuân C.

Về con chung: Chị M và anh C có 03 con chung là Nguyễn Thị Phương G, sinh ngày 10/10/1994; Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 07/12/1997 và Nguyễn Phương A, sinh ngày 19/7/2003. Hiện nay, cả 03 con chung đều đã thành niên (trên 18 tuổi), chị M và anh C đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị M, anh C đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết

Về án phí: Chị Hà Thị M phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; Anh Nguyễn Xuân C phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh C có hộ khẩu thường trú tại khu X, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị M, anh C đều có quan điểm xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị M và anh Cầu L hoàn toàn hợp pháp được UBND xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn năm 1991 trên cơ sở tự nguyện. Chị M và anh C đều xác nhận vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2012 thì anh C phạm tội "Mua bán trái phép chất ma tuý", phải chấp hành hình phạt 20 năm tù giam và đi chấp hành án tại Phân trại số A – Trại giam T2 – Bộ C1 nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Thời gian đầu khi anh C đi chấp hành án, chị M vẫn đi lại thăm nom, nhưng mấy năm trở lại đây chị M không còn quan tâm và đến thăm anh C nữa. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị M và anh C đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt đ□ợc. Chị M xin ly hôn, anh C nhất trí ly hôn. Vì vậy, cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Mến và anh C là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị M và anh C có 03 con chung là Nguyễn Thị Phương G, sinh ngày 10/10/1994; Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 07/12/1997 và Nguyễn Phương A, sinh ngày 19/7/2003. Hiện nay, cả 03 con chung đều đã thành niên (trên 18 tuổi), chị M và anh C đều không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị M, anh C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị M, anh C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a,

khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị M và anh Nguyễn Xuân C.

[2]. Về con chung: Chị M và anh C có 03 con chung là Nguyễn Thị Phương G, sinh ngày 10/10/1994; Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 07/12/1997 và Nguyễn Phương A, sinh ngày 19/7/2003. Hiện nay, cả 03 con chung đều đã thành niên (trên 18 tuổi), chị M và anh C đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị M, anh C đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[4]. Về án phí: Chị Hà Thị M phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị M đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004986 ngày 14/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Trả lại cho chị M 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Anh Nguyễn Xuân C phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã S;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đinh Thị Thu Huyền